

Bản án số: 31/2026/HS-ST

Ngày: 17/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Châu và bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2026/TLST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 22/6/1998 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn F, xã I, tỉnh Gia Lai; Số CCCD: 033098012359, cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Đoàn Thị S, sinh năm: 1951; Bị cáo có vợ tên Hoàng Thị H, sinh năm: 1998 nhưng đã ly hôn (bị cáo đang nuôi 01 người con chung sinh năm 2016, chị H đang nuôi 01 con chung sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai (đã chết).

Những người thuộc hàng thừa kế nhất của bị hại (gồm: Ông Nguyễn Đức G - sinh năm 1945 (cha đẻ), bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1945 (mẹ đẻ), ông Trần Văn D - sinh năm 1968 (chồng), bà Trần Thị Mỹ H2 - sinh năm 1988 (con), bà Trần Thị Mỹ H3 - sinh năm 1990 (con), ông Trần Văn Đ - sinh năm 1993 (con), bà Trần Thị Linh H4 - sinh năm 1996 (con), bà Trần Trần Thị Diễm M - sinh năm 1998 (con)) ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Trần Văn D, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai (Chồng của bị hại). Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lý Văn D1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Linh H4, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 25/5/2025, Nguyễn Văn N điều khiển xe tự chế 04 bánh đi từ nhà của anh Lý Văn D1 trú tại Tổ dân phố C, xã C, tỉnh Gia Lai đến thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai chở theo đồ nghề để khoan giếng thuê cho khách. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, xe tự chế do N điều khiển đi đến đoạn đường K Quốc lộ A thuộc thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai, do đi vượt qua địa chỉ nơi đến nên lùi xe để quay đầu xe. Lúc này, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968, trú tại thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81R7-1907 chở theo con gái là chị Trần Thị Linh H4, sinh năm 1996, trú cùng thôn, đang dừng xe ở phía sau xe tự chế. Nhất điều khiển xe tự chế lùi thì xe tự chế do N điều khiển đã cán qua xe mô tô BKS 81R7-1907 và người bà Nguyễn Thị H1, chị Trần Thị Linh H4 ngồi sau xe nên nhảy ra ngoài tránh được. Hậu quả, bà Nguyễn Thị H1 tử vong, xe mô tô BKS 81R7-1907 bị hư hỏng.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn và chất ma túy đối với Nguyễn Văn N: không có nồng độ cồn và các chất ma túy.

Tại Kết luận giám định tử thi số 514 ngày 03/6/2025 của Phòng K - Công an tỉnh G kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Thị H1: Đa chấn thương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xã M kết luận thiệt hại xe mô tô BKS 81R7-1907 do tai nạn là 1.150.000 đồng.

*** Về thu giữ và xử lý vật chứng, tài sản**

- Đối với xe mô tô BKS 81R7-1907. Qua điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H1 nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho đại diện gia đình bị hại theo quy định.

- Đối với xe tự chế 04 bánh. Qua điều tra xác định là tài sản của Lý Văn D1, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố C, xã C, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, do xe tự chế trên không có giấy tờ đăng ký xe theo quy định và đây là xe cấm lưu hành nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

*** Về dân sự**

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N và anh Lý Văn D1 (chủ xe tự chế) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho gia đình bị hại và sửa chữa xe mô tô BKS 81R7-1907 bị hư hỏng cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, bị hại không còn yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Lý Văn D1 là chủ xe tự chế không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Tại Cáo trạng số: 30/CT-VKSKV10 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

*** Về điều luật, tội danh, hình phạt:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; **Điều 50**; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Vi phạm quy định*

về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/4/2026).

* Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với xe mô tô BKS 81R7-1907. Qua điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H1 nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho đại diện gia đình bị hại theo quy định là phù hợp.

- Đối với xe tự chế 04 bánh. Qua điều tra xác định là tài sản của Lý Văn D1, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố C, xã C, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, do xe tự chế trên không có giấy tờ đăng ký xe theo quy định và đây là xe cấm lưu hành nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

* Về bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N và anh Lý Văn D1 (chủ xe tự chế) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho gia đình bị hại và sửa chữa xe mô tô BKS 81R7-1907 bị hư hỏng cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, bị hại không còn yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên không xem xét.

Anh Lý Văn D1 là chủ xe tự chế không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

* Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp có tại hồ sơ đều phù hợp với quy định của pháp luật. Và hành vi của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Vào khoảng 11 giờ ngày 25/5/2025, Nguyễn Văn N điều khiển xe tự chế 4 bánh lưu thông trên Quốc lộ A hướng từ xã C đi xã M, tỉnh Gia Lai. Khi đi đến K Quốc lộ A thuộc thôn C, xã M, tỉnh Gia Lai, N điều khiển xe tự chế đi lùi lại để quay đầu xe. Khi lùi xe, do thiếu chú ý quan sát nên xe tự chế do N điều khiển đã cán qua xe mô tô BKS 81R7-1907 và người bà Nguyễn Thị H1 đang dừng xe mô tô phía sau, hậu quả làm bà Nguyễn Thị H1 tử vong và xe mô tô BKS 81R7-1907 bị hư hỏng có giá trị là 1.150.000 đồng.

Lỗi gây ra vụ tai nạn giao thông nêu trên là do Nguyễn Văn N điều khiển xe tự chế lùi xe thiếu chú ý quan sát, lùi xe không đảm bảo an toàn, đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; mẹ bị cáo có công tham gia trong quân đội của Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo đang nuôi 01 con nhỏ Nguyễn Hoàng Bảo N2 - sinh ngày 29/7/2016 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Hành vi do Nguyễn Văn N điều khiển xe tự chế không được phép lưu hành, khi lùi xe thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn, đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hậu quả gây ra làm chết 01 người. Hành vi của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tác động xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để răn đe và góp phần phòng ngừa chung của chính quyền địa phương, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; mẹ bị cáo có công tham gia trong quân đội của Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo đang nuôi 01 con nhỏ Nguyễn Hoàng Bảo N2 - sinh ngày 29/7/2016 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự), bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, góp phần tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và khoan hồng của nhà nước nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cho bị cáo được hưởng án treo.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với anh Lý Văn D1 là chủ xe tự chế 04 bánh, đây là phương tiện không đủ điều kiện để tham gia giao thông đường bộ theo khoản 8 Điều 9; khoản 1 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ nên xe tự chế trên không được phép lưu hành. Ngoài ra, xe độ chế trên không có căn cứ để xác định tương tự như xe được phép tham gia giao thông nào khác nên không được cấp giấy phép lái xe theo quy định. Do đó, hành vi giao xe cho Nguyễn Văn N của Lý Văn D1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” nên không xử lý về hình sự là phù hợp.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với xe mô tô BKS 81R7-1907. Qua điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H1 nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho đại diện gia đình bị hại theo quy định là phù hợp.

- Đối với xe tự chế 04 bánh. Qua điều tra xác định là tài sản của anh Lý Văn D1, tuy nhiên do xe tự chế trên không có giấy tờ đăng ký xe theo quy định và đây là xe cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N và anh Lý Văn D1 (chủ xe tự chế) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho gia đình bị hại và sửa chữa xe mô tô BKS 81R7-1907 bị hư hỏng cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không còn yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên không xem xét.

Anh Lý Văn D1 là chủ xe tự chế không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

[8] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật, tội danh, hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/4/2026).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã I, tỉnh Gia Lai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) xe tự chế được thiết kế máy nổ đầu dọc, dùng vô lăng được gắn phía trước tổng chiều dài (07x2,25)m (đã qua sử dụng). Tình trạng xe máy tại thời điểm giao nhận: Máy không hoạt động.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Gia Lai ngày 26/02/2026).

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT-THA -TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Xuân Hòa